

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS - ST
Ngày 06 - 02 - 2018
“ V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Văn Koan
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Sa R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Phan Thị Thùy Tr, sinh năm 1985

2. Đỗ Văn V, sinh năm 1982.

Đồng địa chỉ : Khóm 2, thị trấn Sa R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T, chị Tr, anh V có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-10-2017 của nguyên đơn chị Lê Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Chị T cho chị Tr và anh V vay tổng cộng số tiền 72.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, cụ thể vào các ngày dương lịch như sau:

+ Ngày 15/7/2015 vay 20.000.000 đồng lãi suất là 3%/ tháng thời gian hạn trả là 03 tháng;

+ Ngày 26/7/2015 vay 20.000.000 đồng lãi suất là 3%/ tháng thời gian hạn trả là 03 tháng;

+ Ngày 19/9/2015 vay 10.000.000 đồng lãi suất là 3%/ tháng thời gian hạn trả là 03 tháng;

+ Ngày 08/5/2016 vay 5.000.000 đồng lãi suất là 3%/ tháng thời gian hạn trả là 03 tháng;

+ Ngày 26/6/2016 vay 02 chỉ vàng 24 kara 9t8;

+ Ngày 28/7/2016 vay 2.000.000 đồng thời hạn trả là 03 ngày sau trả;

+ Ngày 16/8/2016 vay 10.000.000 đồng thời hạn trả là 05 ngày trả;

+ Ngày 21/8/2016 vay 5.000.000 đồng thời hạn trả là 07 ngày trả.

Tất cả các biên nhận trên đều do chị Tr ký và nhận tiền mục đích vay tiền là chị Tr sử dụng trong gia đình và trị bệnh cho con. Nay chị T yêu cầu chị Tr và anh V cùng liên đới trả cho chị T số tiền gốc vay là 72.000.000 đồng và vàng là 02 chỉ vàng là 24 kara 9,8 tuổi. Đối với yêu cầu về phần tiền lãi số tiền là 11.340.000 đồng tại phiên tòa chị T xin rút đối với yêu cầu này.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Phan Thị Thùy Tr trình bày:

Chị Tr thống nhất với toàn bộ ý kiến của chị T là vào các ngày dương lịch như chị T vừa trình bày ở trên chị Tr có vay tiền của chị T với tổng số tiền là 72.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8. Tất cả các biên nhận là do một mình chị viết, ký tên và nhận tiền. Số tiền này chị vay về là để lo trị bệnh cho con và một phần để chi tiêu trong gia đình. Nay anh V chồng chị có ý kiến cho rằng số tiền vay này anh V hoàn toàn không biết và không liên quan tới anh và không thống nhất liên đới trả cùng

thì chị thống nhất trả nợ một mình theo yêu cầu của chị Tâm là 72.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8.

Theo các lời khai trong qua trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Đỗ Văn V trình bày:

Đối với số tiền vợ anh vay của chị T anh hoàn toàn không biết và vợ anh vay về để sử dụng vào mục đích gì hơn nữa anh cũng không ký vào bất cứ biên nhận nào của chị T. Trong tất cả số tiền vợ anh vay của chị T anh chỉ nhớ có lần anh điện thoại cho chị T vay 10.000.000 đồng nhưng người nhận tiền và viết biên nhận là vợ anh nhưng sau đó anh đã đưa tiền cho vợ anh trả xong rồi còn đối với các khoản vay khác mà vợ anh vay của chị T cho đến năm 2016 thì anh mới biết nhưng anh cũng không có ý kiến. Nay qua yêu cầu của chị T anh không thống nhất liên đới trả số tiền này bởi lẽ số tiền vợ anh vay không được sự đồng ý của anh thì nay vợ anh phải có trách nhiệm một mình chi trả cho chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tuy nhiên việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ chưa đúng cụ thể như sau:

Thứ nhất: Tòa án ra quyết định đối chất trong vụ án để tiến hành đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn là chưa đúng theo quy định khoản 2,3 Điều 97,100 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Thứ hai: Đối với biên nhận ngày 26-06-2016 về việc vay 02 chỉ vàng 24 kara Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ vào ngày 15-01-2018 nhưng Tòa án không tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với biên nhận mới phát sinh trong vụ án là vi phạm về trình tự thủ tục tố tụng, điều này gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự .

Thứ ba: Ngày 17-01-2018 Tòa án nhận được công văn số 92/XN.TCKH.NS ngày 15-01-2018 của Phòng tài chính kế hoạch về việc cung cấp giá vàng nhưng Tòa án không ra thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ này cho đương sự là vi phạm khoản 5 Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nhưng Viện kiểm sát không có kiến nghị trong vụ này.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-10-2017 của nguyên đơn Lê Thị T nộp trực tiếp tại Tòa án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với các bị đơn. Người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nên xét thấy đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và người bị kiện có địa chỉ cư trú tại huyện Tân Hồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giao dịch dân sự (hợp đồng vay tài sản) giữa chị T với chị Tr thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01-01-2017) nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết vụ án.

- Về thời hiệu khởi kiện: Trong tất cả các biên nhận chị T cho chị Tr vay với tổng số tiền là 72.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 cho đến ngày 17-10-2017 chị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án huyện Tân Hồng và đã được Tòa án thụ lý. Như vậy tính từ ngày chị Tr vi phạm nghĩa vụ cho đến ngày chị T nộp đơn khởi kiện như trên là không quá 03 năm nên theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền vay 72.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 chị T cho chị Tr vay vào các ngày dương lịch như sau: Ngày 15/7/2015 vay 20.000.000 đồng lãi suất là 3%/tháng thời gian hạn trả là 03 tháng; Ngày 26/7/2015 vay 20.000.000 đồng lãi suất là 3%/tháng thời gian hạn trả là 03 tháng; Ngày 19/9/2015 vay 10.000.000 đồng lãi suất là 3%/tháng thời gian hạn trả là 03 tháng; Ngày 08/5/2016 vay 5.000.000 đồng lãi suất là 3%/tháng thời gian hạn trả là 03 tháng; Ngày 26/6/2016 vay 02 chỉ vàng 24 kara 9t8; Ngày 28/7/2016 vay 2.000.000đồng thời hạn trả là 03 ngày sau trả; Ngày 16/8/2016 vay 10.000.000 đồng thời hạn trả là 05 ngày trả; Ngày

21/8/2016 vay 5.000.000 đồng thời hạn trả là 07 ngày trả. Bị đơn chị Tr thừa nhận có vay 72.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 vào các ngày như trên nên xét thấy việc vay tiền này giữa chị T và chị Tr là có thật. Tuy nhiên, bị đơn V cho rằng trong quá trình vay anh chỉ biết với số tiền vay 10.000.000 đồng nhưng anh đã trả rồi còn đối với tất cả các số tiền vay khác thì chỉ có một mình vợ anh vay và ký nhận anh hoàn toàn không biết mãi cho đến năm 2016 thì anh mới biết. Xét thấy mặc dù các lần vay tiền này chỉ có một mình chị Tr vay và ký nhận với chị T nhưng đến năm 2016 thì anh V cũng biết đối với các khoản này nhưng cũng không có ý kiến gì, hơn nữa anh V cũng thừa nhận là từ trước đến giờ toàn bộ chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và tiền trị bệnh cho con là do một mình chị Tr đứng ra chi trả và lo lắng, còn nghề nghiệp của anh thì không ổn định nên không đủ tiền để trang trải lo cho cuộc sống gia đình vì vậy nhiều lúc vợ anh phải đi hỏi vay thêm bên ngoài. Điều này cũng phù hợp với lời khai của chị Tr và chị T về mục đích vay tiền và vàng về là để cho chị Tr chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, trị bệnh cho con. Nên nhận thấy số tiền và vàng vay này anh V đã biết và chị Tr sử dụng là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là có thật. Theo khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“1. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc các giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24,25 và 26 của Luật này. 2. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”*. Và khoản 2 Điều 37 luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*. Như vậy đối chiếu với các điều luật trên nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Anh Đỗ Văn V và chị Phan Thị Thùy Tr cùng liên đới trả cho chị T số tiền vốn gốc là 72.000.000 đồng và 02 (Hai) chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8.

Đối với yêu cầu tiền lãi 11.340.000 đồng tại phiên tòa chị T có yêu cầu rút đối với yêu cầu tính lãi này nên căn cứ Điều 244 HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Về tố tụng: Đối với ý kiến của Viện kiểm sát cho là Tòa án ra quyết định đối chất trong vụ án để tiến hành đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn là chưa đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 97,100 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Xét thấy việc Tòa án ra quyết định đối chất theo yêu cầu của đương sự mặc dù theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 97, 100 của BLTTDS và tại danh mục 93 biểu mẫu trong tố tụng dân sự cũng không quy định bắt buộc phải ra quyết định đối chất nhưng Tòa án xét thấy việc ra quyết định

đối chất này là cần thiết để bảo vệ quyền lợi của đương sự và để thông báo cho đương sự biết thời gian, địa điểm tiến hành việc đối chất để đương sự đến tham gia đối chất là không vi phạm quy định của pháp luật tố tụng. Đồng thời, pháp luật cũng không cấm việc Tòa án ra quyết định đối chất nên nhận thấy việc ra quyết định đối chất cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đối với ý kiến 01 biên nhận ngày 26-06-2016 mới phát sinh Tòa tiến hành thu thập chứng cứ vào ngày 15-01-2018 nhưng Tòa án không tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với biên nhận mới phát sinh trong vụ án là vi phạm về trình tự thủ tục tố tụng, điều này gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện tổng cộng là 08 biên nhận nhưng trong quá trình nộp đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ cung cấp được 07 biên nhận còn đối với 01 biên nhận vay vàng ngày 26-06-2016 thì nguyên đơn chưa cung cấp được nhưng đây cũng là biên nhận nằm trong nội dung tranh chấp khi nguyên đơn khởi kiện, bị đơn cũng đã biết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng thống nhất với toàn bộ nội dung tranh chấp này. Sau đó, ngày 18-12-2017 Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ có nội dung tranh chấp này nhưng cho đến ngày 15-01-2018 thì nguyên đơn mới cung cấp cho Tòa án. Nên Tòa án xét thấy đối với biên nhận này về việc vay vàng đã được Tòa án hòa giải rồi và bị đơn cũng thống nhất với toàn bộ nội dung tranh chấp nên việc Tòa án chưa cho đương sự tiếp cận công khai chứng cứ đối với 01 biên nhận này là chưa đúng tuy nhiên tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã công khai chứng cứ và cho tất cả các đương sự tiếp cận và các đương sự cũng thống nhất với chứng cứ này nên xét thấy không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đối với ý kiến về việc ngày 17-01-2018, Tòa án nhận được công văn số 92/XN.TCKH.NS ngày 15-01-2018 của phòng tài chính kế hoạch về việc cung cấp giá vàng nhưng Tòa án không ra thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ này cho các đương sự là vi phạm khoản 5 Điều 97 của BLTTDS làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét thấy mặc dù Tòa án không ra thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ này cho các đương sự là chưa đúng quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thông báo cho tất cả các đương sự về công văn số 92/XN.TCKH.NS ngày 15-01-2018 của Phòng tài chính kế hoạch và các đương sự đều có ý kiến thống nhất về nội dung công văn này. Nên xét thấy việc không thông báo này cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tuy nhiên, Viện kiểm sát không có kiến nghị trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với các ý kiến này của viện kiểm sát.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị T buộc chị Tr và anh V cùng liên đới trả số tiền 72.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8.

Từ những phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Phan Thị Thùy Tr và anh Đỗ Văn V phải liên đới chịu án phí trên nghĩa vụ trả nợ cho chị T là 72.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 (02 chỉ x 3.650.000 đồng/01 chỉ = 7.300.000 đồng). Vậy tổng cộng là 79.300.000 đồng. Nên án phí là 79.300.000 đồng x 5% = 3.965.000 đồng.

Chị Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5; 26; 35; 39; 91; 92; 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 471; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 429; 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 27; 30; 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc yêu cầu anh Đỗ Văn V và chị Phan Thị Thùy Tr trả tiền lãi 11.340.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Buộc chị Phan Thị Thùy Tr và anh Đỗ Văn V phải liên đới trả cho chị Lê Thị T số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 72.000.000đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) và 02 (Hai) chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong. Còn đối với số vàng nêu trên thì còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật (nếu có).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Thùy Tr và anh Đỗ Văn V phải liên đới chịu án phí là 3.965.000 đồng.

Chị Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03586 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06-02-2018)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Oanh